

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12-7-2021

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Huy

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Huyền là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa** tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 156/2021/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 6 năm 2021, về: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Trần Băng S, sinh năm: 1987

Hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã Đ, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Nơi cư trú hiện nay: Thôn M, xã Đ, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

Bị đơn: Anh Võ Quốc T, sinh năm: 1980

Nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2021, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 04/6/2021, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trương Trần Băng S trình bày: Chị và anh Võ Quốc T tự nguyện tìm hiểu nhau được một năm và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2006, đến năm 2007 đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 68, cấp ngày 18/10/2007. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường xuyên xúc phạm, đe dọa khủng bố tinh thần chị S, vợ chồng bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, hiện nay vợ chồng đã ly thân mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với

anh Võ Quốc T.

Về con chung: Chị S và anh T có 01 con chung là cháu Võ Anh T, sinh ngày 04/11/2007. Chị S yêu cầu giao con chung cho anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và chị S không cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu T do anh T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không nợ ai.

Tại bản tự khai đề ngày 22/6/2021 và tại phiên tòa hôm nay anh Võ Quốc T trình bày: Quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân đúng như chị S trình bày. Quá trình chung sống thì vợ chồng có mâu thuẫn nhưng vì vẫn còn yêu thương chị S và sợ ảnh hưởng đến con chung nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Đúng như chị S trình bày. Nếu ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không nợ ai.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trương Trần Băng S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trương Trần Băng S yêu cầu ly hôn anh Võ Quốc T. Yêu cầu của chị S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, xét thấy vụ án có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, các đương sự có nơi cư trú ổn định. Tài liệu chứng cứ đầy đủ đảm bảo cho việc giải quyết vụ án và Tòa án không phải thu thập tài liệu, chứng cứ nên Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị S và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào 2006, đến năm 2007 đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 68, cấp ngày 18/10/2007. Do đó, hôn nhân giữa chị S và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh T trình bày giữa vợ chồng anh không có gì mâu thuẫn gì đáng kể và bản thân anh không muốn ly hôn, con cái thiếu tình thương cả cha lẫn mẹ nhưng

thời gian vợ chồng chung sống và ly thân, anh T không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà ngược lại có hành vi, lời lẽ xúc phạm, đe dọa làm cho chị S không thể yên tâm sinh sống.

Thẩm phán đã tiến hành hòa giải giữa hai bên nhưng không thành.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị S yêu cầu được ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị S yêu cầu giao cháu Thư cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thư không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con.

Xét: Việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu Võ Anh T chưa thành niên, do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, có nơi ở ổn định; hơn nữa cháu T có nguyện vọng được chung sống với anh T, điều này phù hợp với yêu cầu của chị S và anh T, phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình nên công nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị S và anh T về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Trương Trần Băng S và anh Võ Quốc T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị Trương Trần Băng S và anh Võ Quốc T xác định không có nợ chung.

[2.5] Về án phí: Chị Trương Trần Băng S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 320, Điều 321 và Điều 322 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Trần Băng S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Trần Băng S được ly hôn anh Võ Quốc T.

2. Về con chung: Anh Võ Quốc T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Võ Anh T, sinh ngày 04/11/2007. Chị Trương Trần Băng S tạm thời không cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, chị S và anh T hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản

5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung*: Chị Trương Trần Băng S và anh Võ Quốc T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. *Về án phí*: Chị Trương Trần Băng S nộp 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm về “ly hôn” nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị S đã nộp là 150.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0006494 ngày 10/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Chị Trương Trần Băng S đã nộp đủ.

Chị Trương Trần Băng S, anh Võ Quốc T có quyền kháng cáo trong hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND thành phố C
- Chi cục THADS thành phố C
- Các đương sự
- UBND xã Cam Thịnh Đông, thành phố C
- Lưu hồ sơ, án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Huy